BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : C13KT1 - Khóa : C13_11

Môn thi : Tin học Căn Bản Thi lần thứ: 1 Giám thị 1: Văn Quốc

Học kỳ: 2 Năm học: 2011-2012 Ngày thi: 15-6-12 Giám thị 2: Kim Liên

Cán bộ giảng dạy : Phòng thi: PM 1+2+3 Giám thị 3: Văn Quốc

Tổng số bài: 34 + 36 + 36 (N1-PM3) Số tờ: 37 (15+19) Giám thị 4: Kim Liên

Mẫu xí

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1110130001	Trần Thị Ngọc	An	13/01/1993		8	9.0	8.5	Tám rưỡi
2	1110130002	Nguyễn Thị Thúy	An	22/10/1993		6	7.0	6.5	Sáu rưỡi
3	1110130003	Nguyễn Thị Huyền	Anh	27/11/1993	V	V	V	V	V
4	1110130004	Phạm Thị Ngọc	Anh	04/07/1992		6	7.0	6.5	Sáu rưỡi
5	1110130005	Đường Minh	Anh	05/02/1993		6	8.0	7.5	Bảy rưỡi
6	1110130006	Lê Thị Hồng	Anh	02/02/1993		7	5.0	5.5	Năm rưỡi
7	1110130007	Nguyễn Thị Kim	Anh	01/09/1993		7	7.0	7.0	Bảy
8	1110130008	Đinh Thị Kiều	Anh	08/04/1993		8	5.0	6.0	Sáu
9	1110130009	Bùi Thị Lan	Anh	17/05/1993		6	5.0	5.5	Năm rưỡi
10	1110130010	Đỗ Thị	Bài	30/11/1993		10	8.0	8.5	Tám rưỡi
11	1110130011	Đỗ Văn	Bảo	20/08/1991		7	9.0	8.5	Tám rưỡi
12	1110130012	Phùng Thị Ngọc	Bích	10/10/1993		9	8.0	8.5	Tám rưỡi
13	1110130013	Trần Thị Ngọc	Bích	14/09/1993		9	9,0	9.0	Chín
14	1110130014	Nguyễn Trần Thanh	Bình	20/04/1991	V	V	V	V	V
15	1110130015	Tống Ngọc Yến	Bình	07/12/1993	V	V	V	V	V
16	1110130017	Trần Ngọc Kim	Châu	14/03/1992		8	9,0	8.5	Tám rưỡi
17	1110130018	Dương Ngọc	Châu	21/10/1993	V	V	V	V	V
18	1110130019	Ninh Viết	Cương	21/03/1993		6	4.0	4.5	Bốn rưỡi
19	1110130020	Lê Thị	Diễm	10/11/1993		7	6.0	6.3	Sáu rưỡi
20	1110130021	Nguyễn Ngọc	Diễm	04/01/1992		9	6.0	7.0	Bảy
21	1110130022	Dương Huỳnh Ngọc	Diệp	01/10/1993		8	5.0	6.0	Sáu
22	1110130023	Nguyễn Thị Thùy	Diệu	30/01/1993		9	6.0	7.0	Bảy
23	1110130024	Lê Thị Thu	Diệu	09/09/1993		5	5.0	5.0	Năm
24	1110130025	Đặng Thị	Dợi	21/09/1992		7	9.0	8.5	Tám rưỡi
25	1110130026	Nguyễn Thị Thùy	Dương	06/08/1993		6	9.0	8.0	Tám
26	1110130027	Đặng Thị Thùy	Dương	22/01/1993		5	6.0	5.5	Năm rưỡi
27	1110130028	Lê Thị Thùy	Dương	28/08/1993		6	5.0	5.5	Năm rưỡi
28	1110130029	Nguyễn Thị Hoài	Dung	1993		5	6.0	5.5	Năm rưỡi
29	1110130030	Đinh Thị Kim	Dung	18/06/1992		9	6.0	7.0	Bảy

	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
30	1110130031	Đào Vũ Phương	Duy	13/07/1993	Duy	8	9,0	8,5	Tám rưỡi
31	1110130032	Nguyễn Đức	Duy	27/04/1993	duy	9	7,0	7,5	Bảy rưỡi
32	1110130033	Mai Thị Hoài	Hân	06/04/1993	Hân	7	9,0	8,5	Tám rưỡi
33	1110130034	Trần Thị Ngọc	Hân	05/11/1992	Hân	6	8,0	7,5	Bảy rưỡi
34	1110130035	Hồ Ngọc	Hân	18/04/1993	V	V	V	V	V
35	1110130036	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	18/10/1993	Hằng	8	6,0	6,5	Sáu rưỡi
36	1110130037	Lê Thị Thu	Hằng	01/07/1993	Hằng	8	7,0	7,5	Bảy rưỡi
37	1110130038	Trịnh Thị Thu	Hằng	21/08/1993	Hằng	5	8,0	7,0	Bảy
38	1110130039	Lê Thị Hồng	Hạnh	03/06/1993	Hạnh	7	8,0	7,5	Bảy rưỡi
39	1110130040	Phạm Thị	Hà	23/03/1993	Phương	8	8,0	8,0	Tám
40	1110130041	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/02/1993	Hà	6	6,0	6,0	Sáu
41	1110130042	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/04/1992	V	V	V	V	V
42	1110130043	Trần Ngọc	Hảo	19/05/1993	Hảo	6	7,0	6,5	Sáu rưỡi
43	1110130044	Thái Thị Diệu	Hiền	25/05/1993	V	V	V	V	V
44	1110130045	Nguyễn Thị Thu	Hiền	27/05/1993	Hiền	10	9,X	9,5	Chín rưỡi
45	1110130046	Hồ Thị	Hiền	16/06/1993	Hiền	7	7	7	Bảy
46	1110130047	Nguyễn Thanh Ngân	Hiếu	22/07/1993	Hiếu	6	8	7,5	Bảy rưỡi
47	1110130048	Nguyễn Thị Thu	Hồng	04/10/1993	V	V	V	V	V
48	1110130049	Đoàn Thị Bích	Hồng	09/06/1993	Hồng	8	8	8	Tám
49	1110130050	Hoàng Thị	Hồng	20/10/1993	Hồng	7	5	5,5	Năm rưỡi
50	1110130051	Nguyễn Thị Hoàng	Hưng	19/02/1993	Hưng	6	6	6	Sáu
51	1110130052	Võ Thị Kim	Hương	14/07/1993	Hương	8	8	8	Tám
52	1110130053	Nguyễn Thị Việt	Hương	03/10/1993	V	V	V	V	V
53	1110130054	Trương Thị Thùy	Hương	29/06/1993	Thùy	8	7	7,5	Bảy rưỡi
54	1110130055	Phan Thị Diễm	Hương	01/11/1993	Hương	7	7	7	Bảy
55	1110130056	Vũ Thị	Hương	08/10/1993	Hương	7	7	7	Bảy
56	1110130057	Nguyễn Lan	Hương	18/03/1993	V	V	V	V	V
57	1110130058	Trần Thị Kim	Hường	30/07/1993	Hường	8	8	8	Tám
58	1110130059	Nguyễn Thị Thu	Hường	23/03/1993	Hường	5	5	5	Năm
59	1110130060	Mai Thị	Hường	01/02/1992	Hường	4	6	5	Năm
60	1110130061	Phạm Thị	Hường	11/03/1993	Hường	5	7	6,5	Sáu rưỡi
61	1110130062	Trần Ngọc	Hường	18/12/1993	Hường	8	8	8	Tám
62	1110130063	Phạm Thị	Huệ	25/04/1992	Huệ	5	6	5,5	Năm rưỡi
63	1110130064	Lê Thị	Huệ	15/01/1993	Huệ	7	7	7	Bảy
64	1110130065	Trương Phi	Hùng	18/07/1991	Hùng	5	6	5,5	Năm rưỡi
65	1110130066	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/08/1993	Hùng	7	7	7	Bảy
66	1110130067	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/11/1993	Huyền	9	8	8,5	Tám rưỡi
67	1110130068	Lê Thị	Huyền	22/04/1993	Huyền	6	5	5	Năm
68	1110130069	Phạm Thị Thu	Huyền	27/12/1993	Huyền	7	7	7	Bảy

	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
69	1110130070	Huỳnh	Kha	03/06/1993		8	7	7,5	Bảy
70	1110130071	Đặng Phúc	Kiên	31/07/1993		5	7	6,5	Sáu
71	1110130072	Huỳnh Thị Bích	Kiều	12/06/1993		8	6	5	Năm
72	1110130073	Nguyễn Trường	Lập	10/10/1993		5	7	6,5	Sáu
73	1110130074	Dương Thị Thùy	Lang	15/07/1993		4	6	5	Năm
74	1110130075	Nguyễn Kim	Liên	12/11/1993		5	7	6,5	Sáu
75	1110130076	Phạm Thị Kim	Liên	10/10/1993		7	7	7	Bảy
76	1110130077	Nguyễn Thị Thu	Liễu	19/08/1993	✓	✓	✓	✓	✓
77	1110130078	Phan Thị Bích	Liểu	04/01/1993		7	7	7	Bảy
78	1110130079	Cao Thị Ngọc	Linh	19/11/1993		7	5	5,5	Năm
79	1110130080	Nguyễn Nhất	Linh	31/03/1992	✓	✓	✓	✓	✓
80	1110130081	Trần Đoàn Mỹ	Linh	04/09/1992		6	6	6	Sáu
81	1110130082	Cao Thị Mỹ	Linh	24/08/1993		6	7	6,5	Bảy
82	1110130083	Phan Gia	Lưu	06/01/1993		5	5	5	Năm
83	1110130084	Hồ Đông	Luận	18/11/1993		5	7	6,5	Sáu
84	1110130085	Lê Thị Thanh	Ly	15/10/1993		6	6	6	Sáu
85	1110130086	Nguyễn Thị Yến	Ly	03/01/1993		9	8	8,5	Tám
86	1110130087	Đặng Thị Xuân	Mai	10/05/1991	✓	✓	✓	✓	✓
87	1110130088	Lê Thị	Mến	10/03/1993		8	6	5	Năm
88	1110130089	Trần Thông	Minh	07/11/1993		6	8	7,5	Bảy
89	1110130090	Phùng Thị Ngô	My	03/11/1993		6	6	6	Sáu
90	1110130091	Trần Thị	Đậm	08/08/1993		7	6	5	Năm
91	1110130092	Nguyễn Công	Đạt	27/09/1993		6	6	6	Sáu
92	1110130093	Vương Tiến	Đạt	08/07/1993		5	7	6,5	Sáu
93	1110130094	Huỳnh Thị Tuyết	Nga	20/03/1993		7	5	5,5	Năm
94	1110130095	Lê Thị Quỳnh	Nga	06/07/1993		6	7	7	Bảy
95	1110130096	Nguyễn Thị Thúy	Nga	27/10/1993		8	8	8	Tám
96	1110130097	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23/06/1993		7	8	7,5	Bảy
97	1110130098	Trần Thị Kim	Ngân	29/05/1993		8	8	8	Tám
98	1110130099	Dương Vũ Tố	Ngân	29/04/1993	✓	✓	✓	✓	✓
99	1110130100	Nguyễn Hoàng Phi	Uyên	24/10/1992		7	7	7	Bảy
100	1110130101	Nguyễn Thị	Nghiệm	20/06/1993		8	5	6	Sáu
101	1110130103	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/04/1993		5	6	5,5	Năm
102	1110130104	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	21/08/1991		6	7	7	Bảy
103	1110130105	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	13/07/1993		6	6	6	Sáu
104	1110130106	Tống Thị Kiều	Ngọc	20/10/1993		8	8	8	Tám
105	1110130107	Trần Thị Bích	Ngọc	02/12/1993		8	8	7	Bảy
106	1110130108	Lê Thị Bảo	Ngọc	26/08/1993		5	6	5,5	Năm
107	1110130109	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	13/11/1992		5	5	5	Năm

	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
108	1110130110	Cao Thị	Ngọc	20/09/1993					
109	1110130111	Biện Ngọc Kim	Nguyên	24/08/1993					
110	1110130112	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	29/10/1993					
111	1110130113	Trần Thị	Nguyệt	27/02/1993					
112	1110130114	Nguyễn Minh	Nhân	02/10/1993					
113	1110130115	Trần Thị Hồng	Nhi	03/01/1993					
114	1110130116	Mạc Thị Thu	Nhi	24/03/1993					
115	1110130117	Võ Thị Yến	Nhi	19/08/1993					
116	1110130118	Hoàng Nguyễn Thiều	Nhi	12/07/1993					
117	1110130119	Võ Nguyễn Uyển	Nhi	22/01/1993					
118	1110130120	Nguyễn Thị Kim	Nhi	24/07/1993					
119	1110130121	Lê Thị Cẩm	Nhi	13/08/1993					
120	1110130122	Hồng Bảo	Nhi	07/10/1993					
121	1110130123	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	16/03/1993					
122	1110130124	Trần Thị Linh	Phương	13/01/1993					
123	1110130125	Võ Phạm Ngọc	Trâm	29/11/1993					
124	1110130126	Phạm Thị Thùy	Trang	03/5/1993					
125	1110130197	Nguyễn Thanh	Thủy	10/01/1993					